



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Văn hóa Tân Bình

Ngày 30/06/2025	12,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.3%	10.8%	9.0%

DT thuần Q2/25
113
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.1 36.7%
YoY: ▲ 5.00 5.0%

LN thuần Q2/25
2.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.24 895%
YoY: ▲ 0.29 13.1%

LN sau thuế Q2/25
2.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.56 488%
YoY: ▲ 1.61 132%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
2.7%
YoY: +/-▲ 2.2%

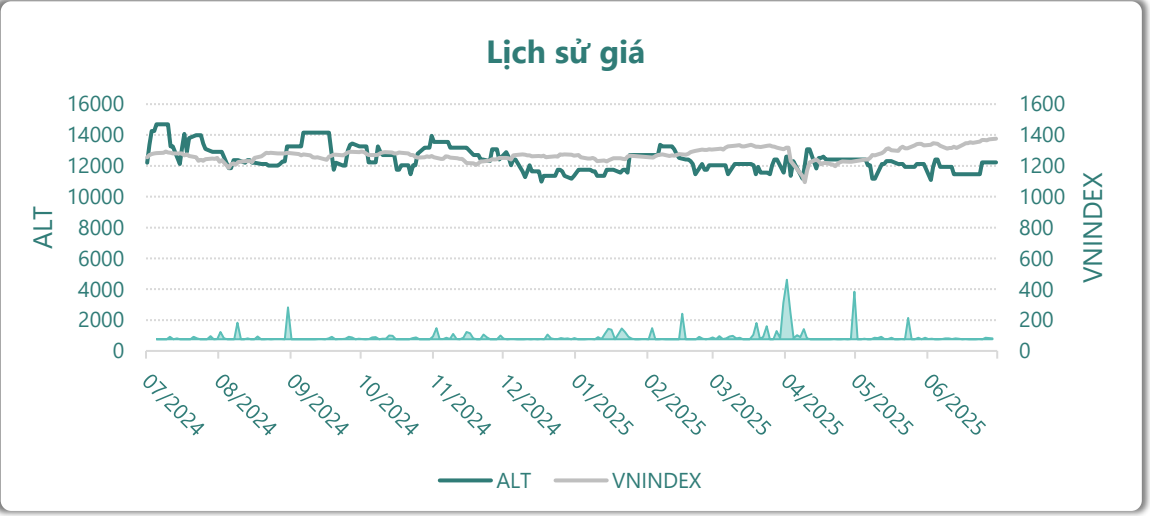
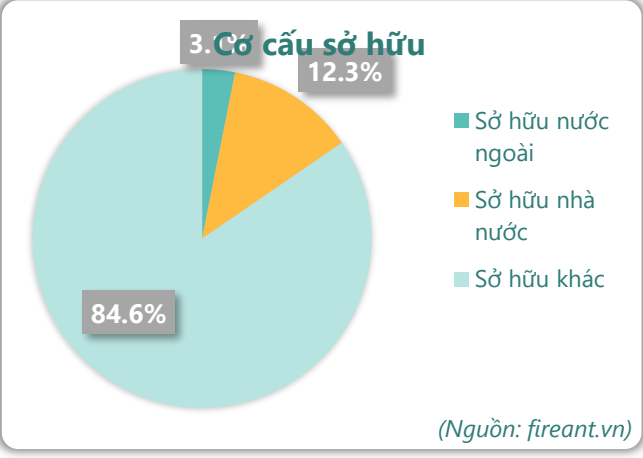
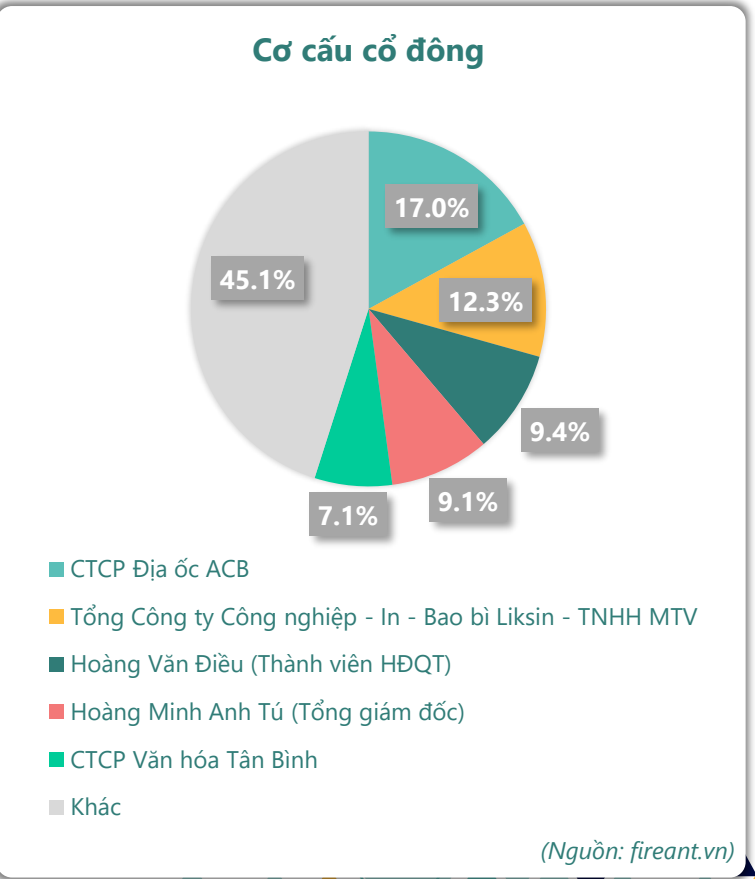
ROE (TTM) Q2/25
2.7%
YoY: +/-▲ 0.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,977 - 14,693
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	73
Số lượng CPLH (CP)	5,736,709
KLGD BQ 20 phiên (CP)	360
Sở hữu nước ngoài	3.1%
Beta	0.64
EPS	1,024
P/E	12.5

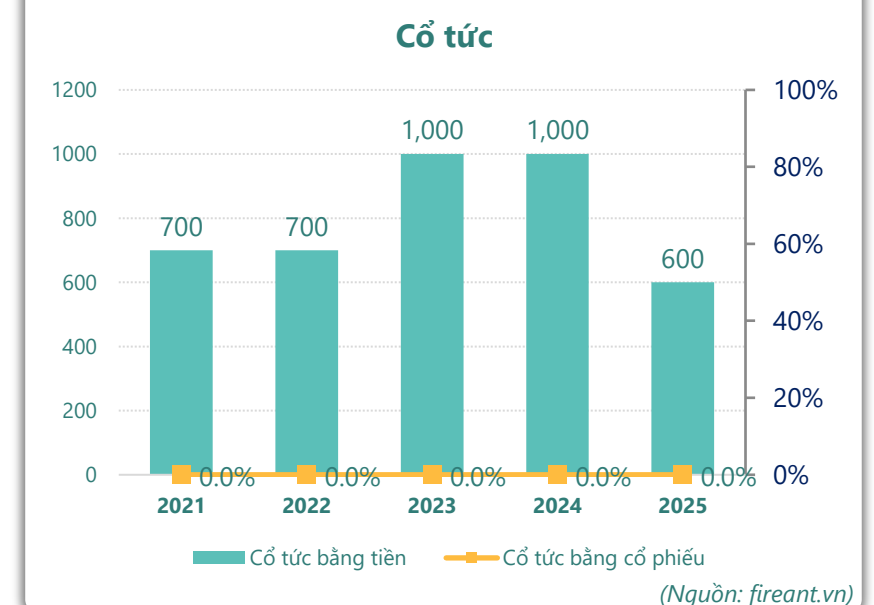
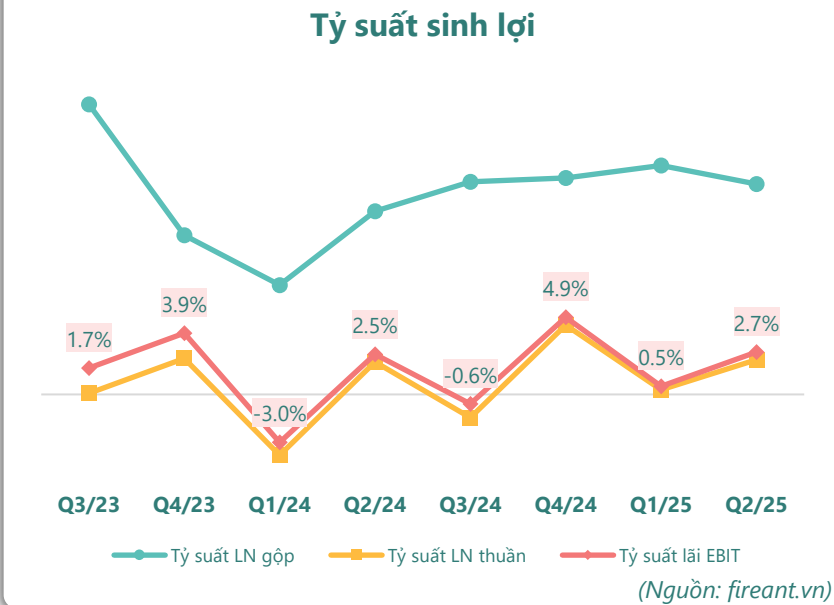
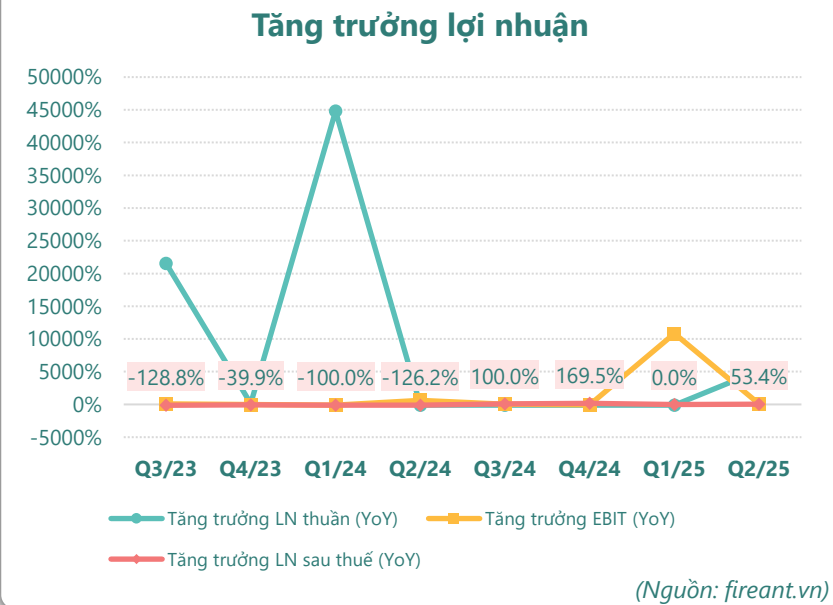
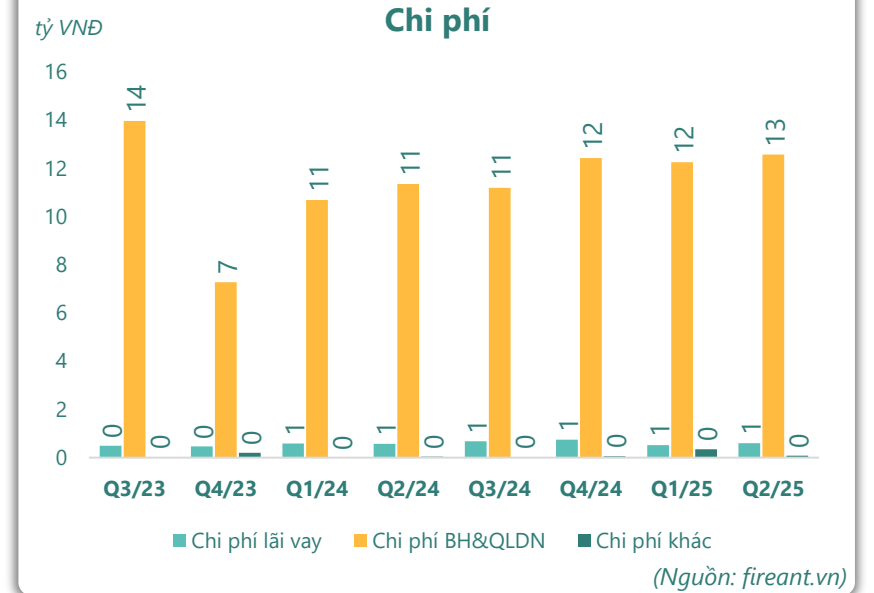
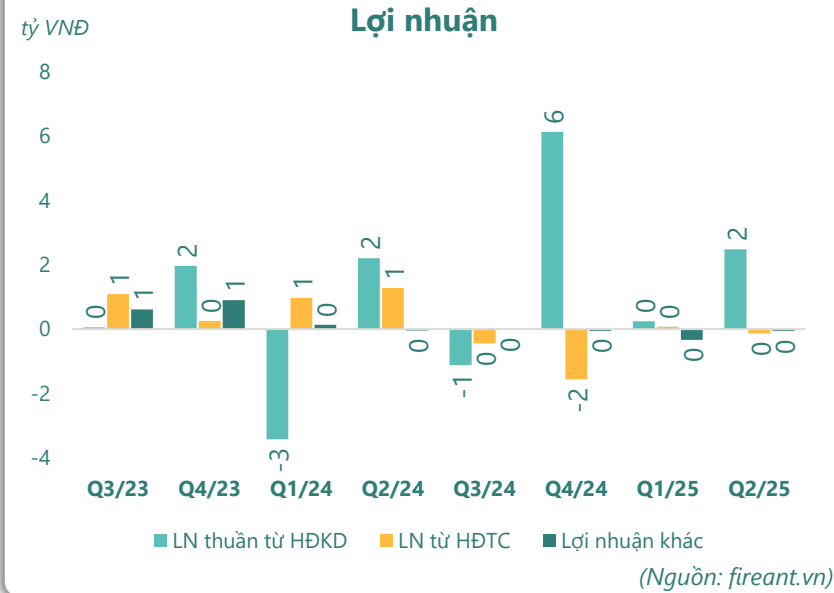
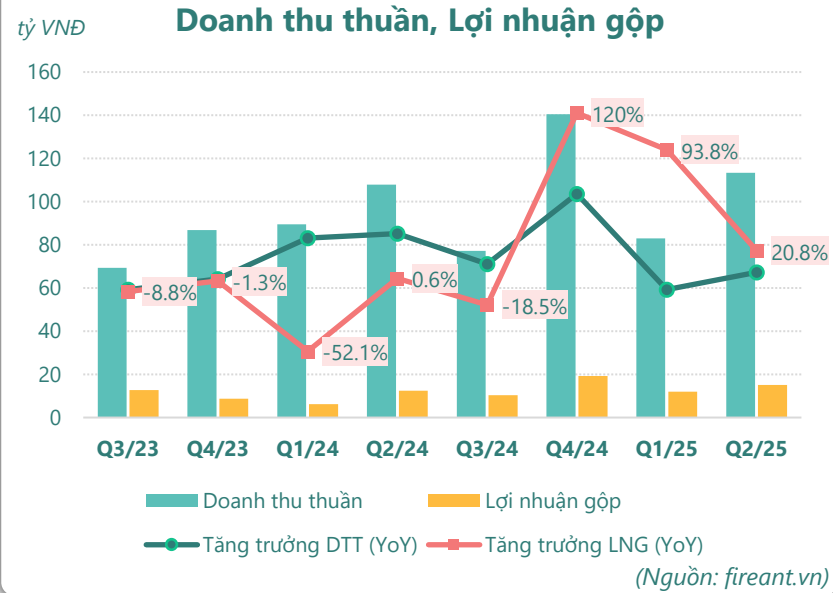
DT thuần 6T 2025
196
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00 -0.5%

LN thuần 6T 2025
2.73
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.95 323%

LN sau thuế 6T 2025
2.10
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.17 202%



KẾT QUẢ KINH DOANH

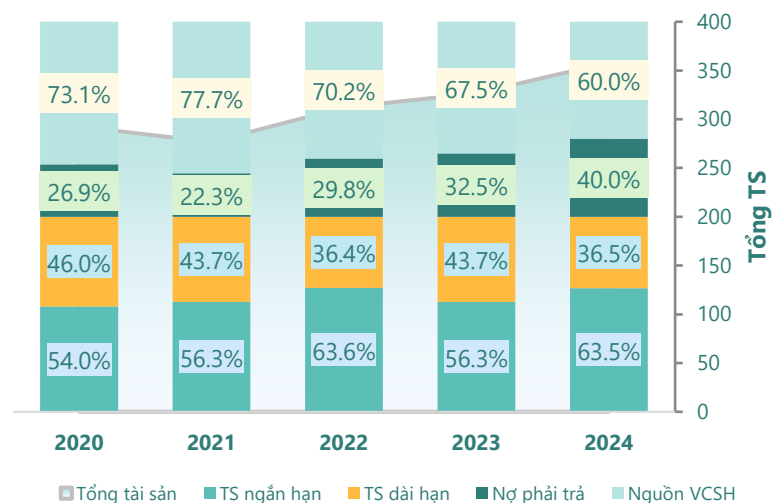




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

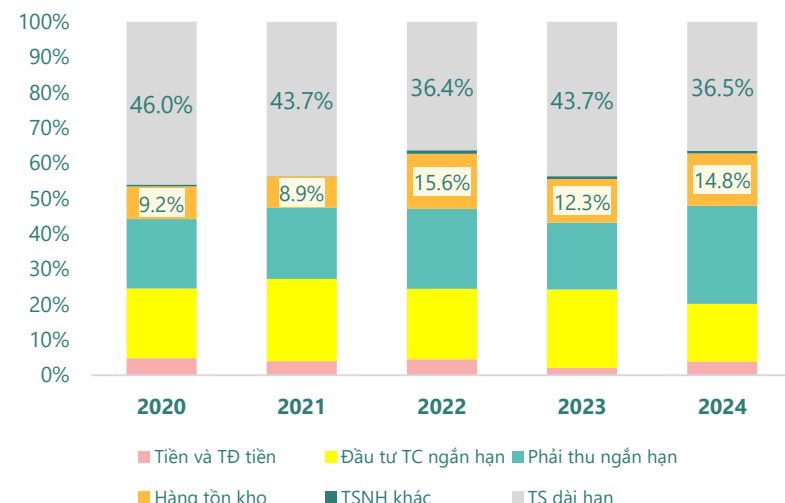
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

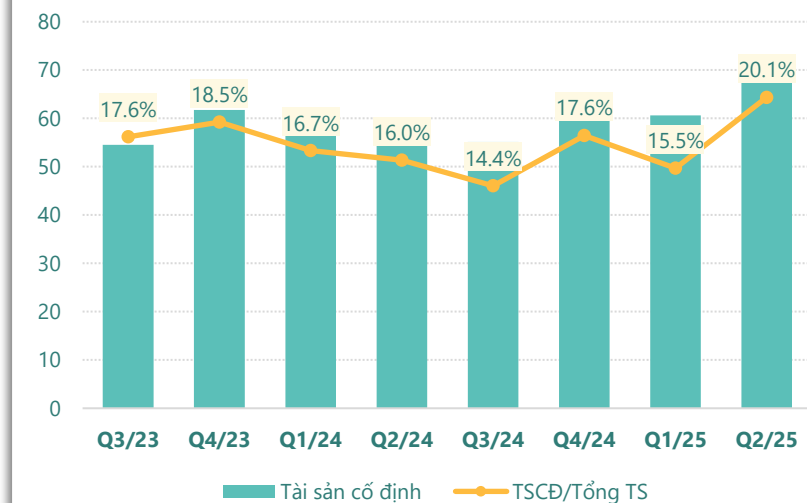
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

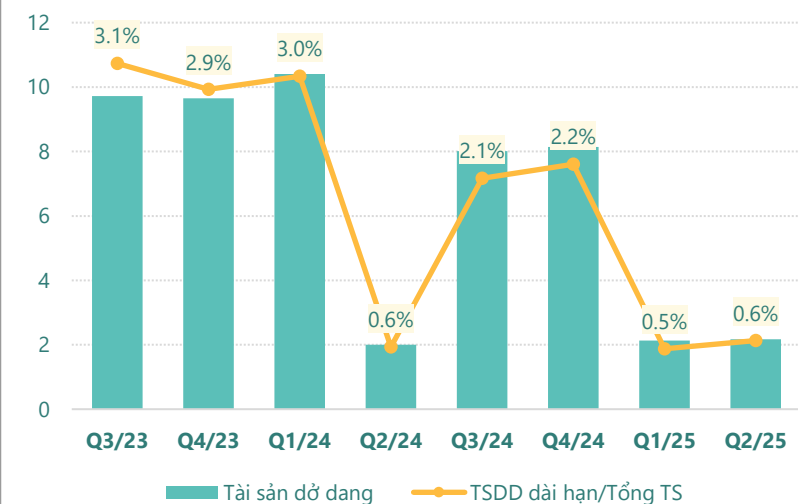
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

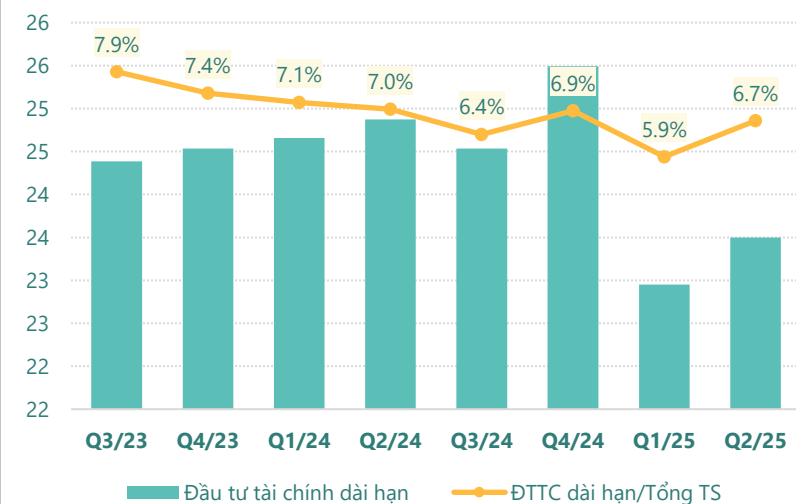
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

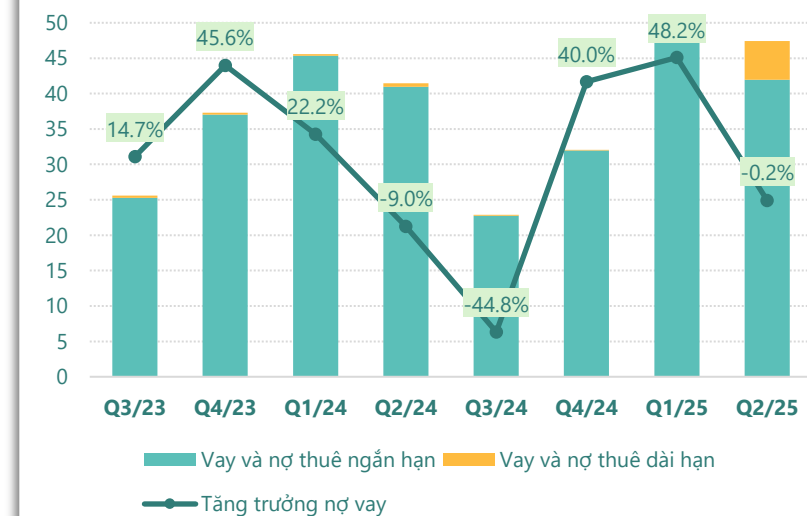
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

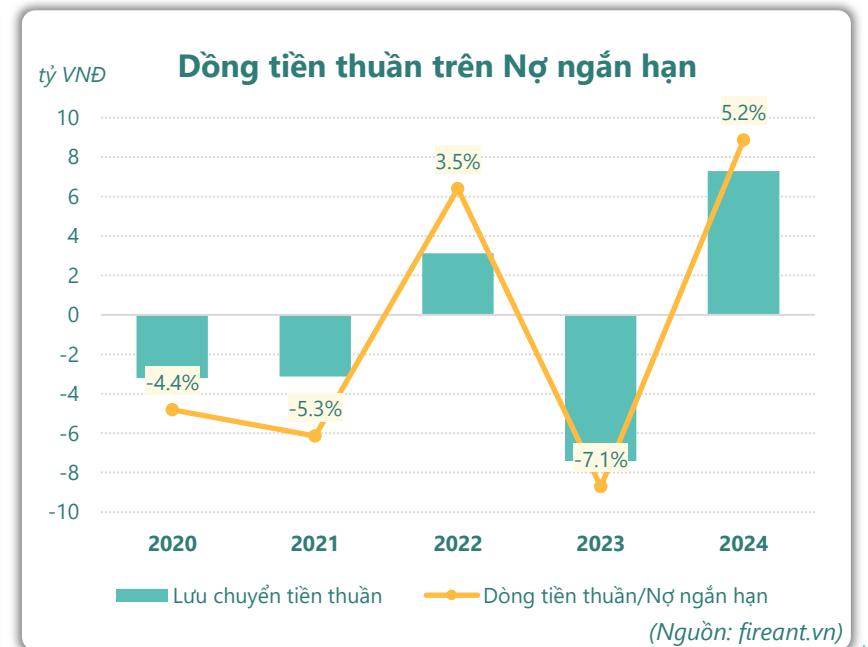
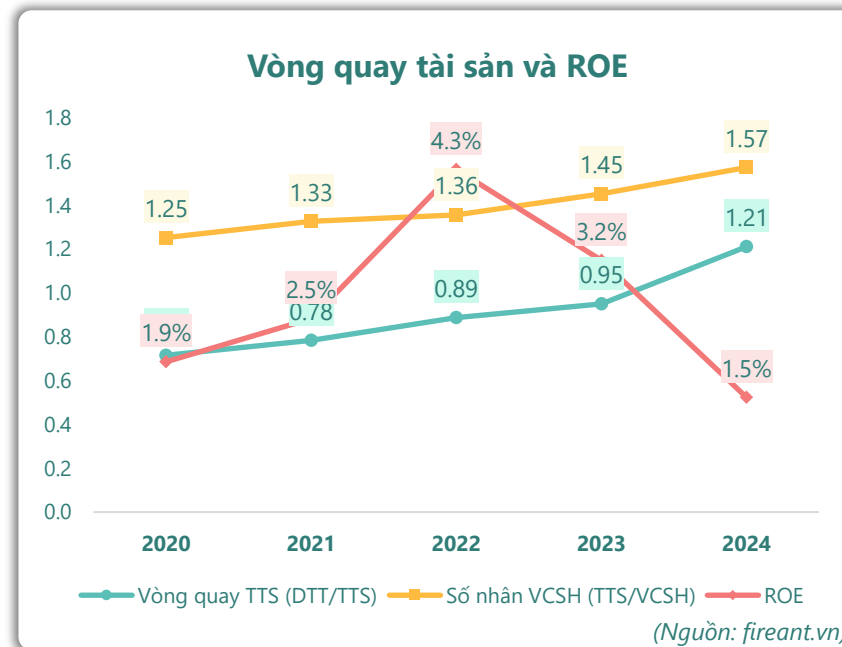
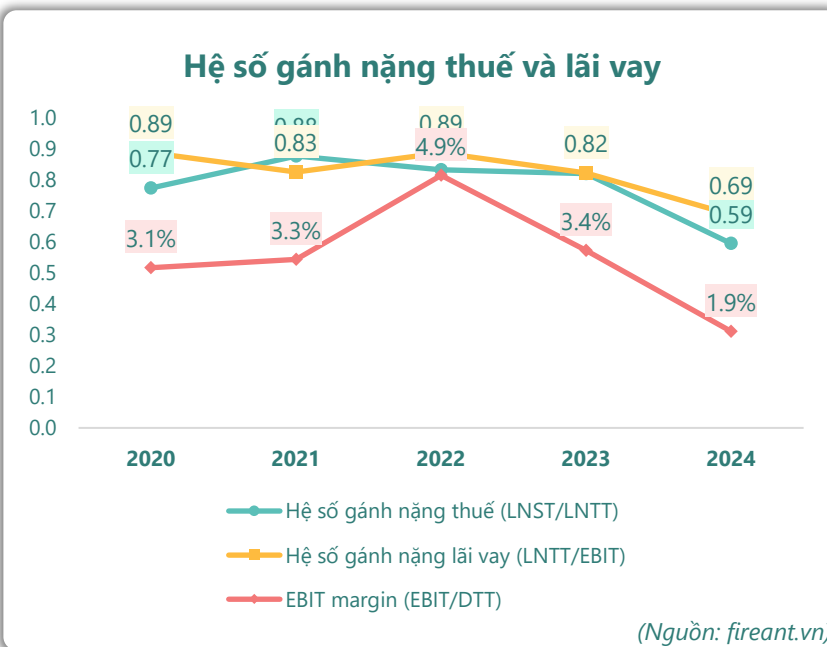
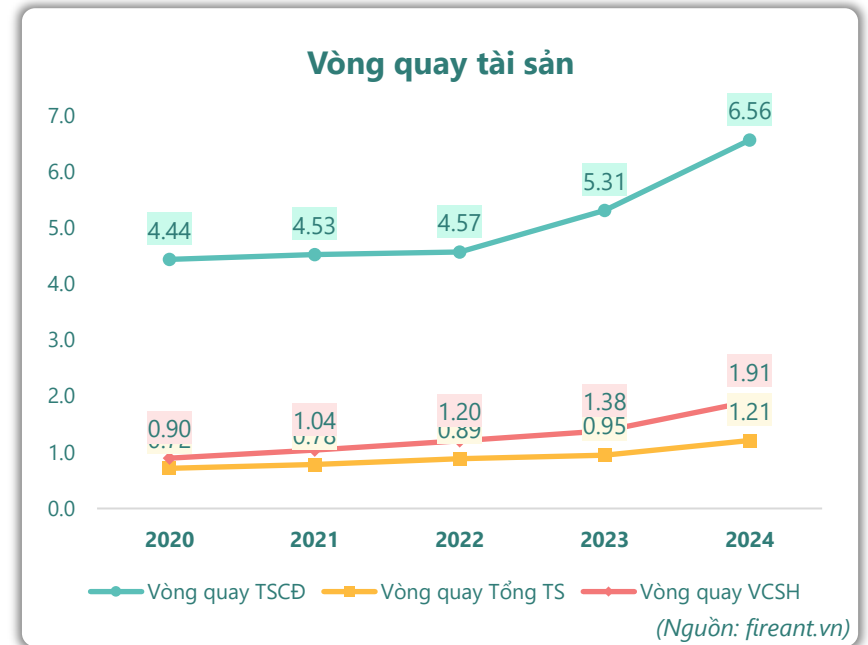
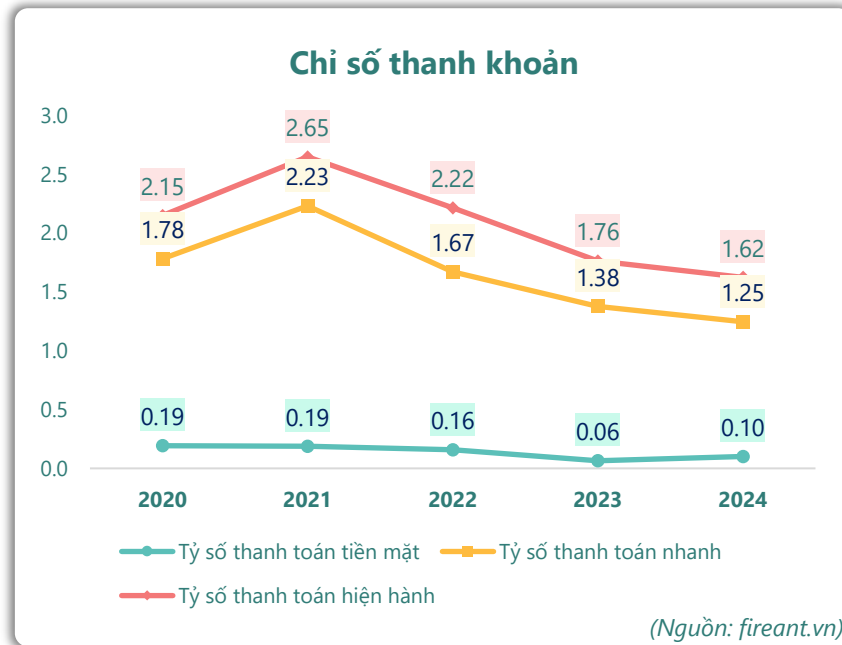
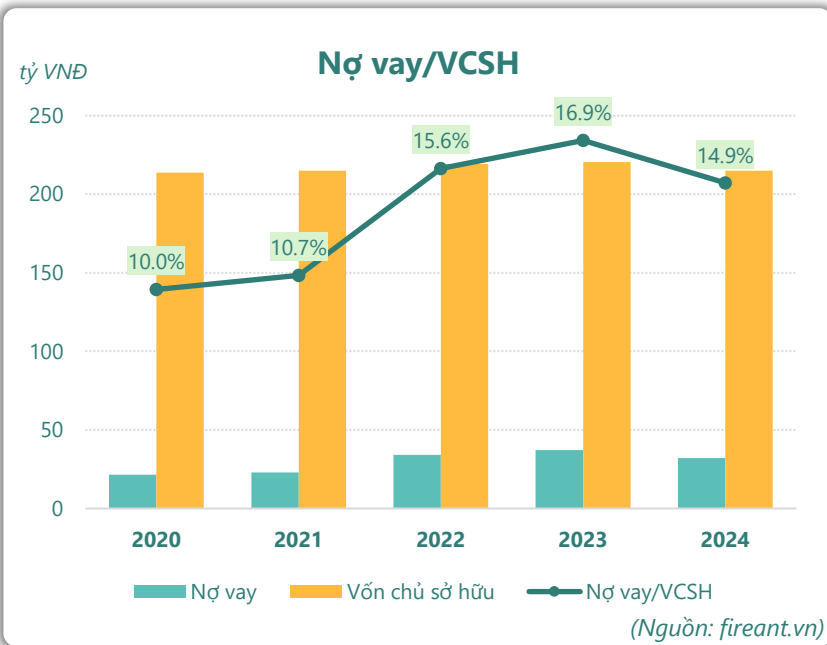
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	113	108	5.0%	196	197	-0.5%
Giá vốn hàng bán	98.3	95.4	3.1%	169	179	-5.3%
Lợi nhuận gộp	15.0	12.4	21.2%	27.0	18.6	45.0%
Doanh thu HĐTC	0.91	2.17	-58.1%	1.72	3.95	-56.5%
Chi phí TC	1.05	0.89	17.7%	1.78	1.70	4.8%
Chi phí lãi vay	0.60	0.57	4.9%	1.11	1.16	-3.8%
LN trong công ty LKLD	0.18	-0.15	219%	0.65	-0.04	1747%
Chi phí bán hàng	4.76	4.02	18.4%	11.1	8.78	26.8%
Chi phí QLDN	7.82	7.34	6.5%	13.7	13.3	3.2%
LN thuần từ HĐKD	2.49	2.20	13.1%	2.73	-1.22	323%
Lợi nhuận khác	-0.06	-0.05	-13.2%	-0.39	0.08	-560%
LN trước thuế	2.43	2.16	12.5%	2.34	-1.14	306%
Lợi nhuận sau thuế	2.83	1.22	132%	2.10	-2.07	202%
LNST của CĐ cty mẹ	2.83	1.22	132%	2.10	-2.07	202%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.4	-15.4	24.5	18.0	-7.14	8.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.99	10.8	-15.7	-13.5	0.15	-4.51
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.26	6.55	-3.87	-5.21	15.8	-9.96
Tiền đầu kỳ	6.74	15.8	17.8	22.8	14.0	22.8
Lưu chuyển tiền thuần	9.08	2.00	4.96	-0.69	8.81	-6.41
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.8	17.8	22.8	22.1	22.8	16.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	350	358	-2.3%
Tài sản ngắn hạn	204	227	-10.2%
Tiền và tương đương tiền	16.4	14.0	17.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.9	58.3	1.1%
Phải thu ngắn hạn	80.7	99.5	-19.0%
Hàng tồn kho	46.0	52.8	-12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.04	2.60	-21.7%
Tài sản dài hạn	146	131	11.3%
Phải thu dài hạn	1.02	0.43	139%
Tài sản cố định	70.4	65.2	7.8%
Bất động sản đầu tư	30.1	30.5	-1.2%
Tài sản dở dang	2.17	2.13	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	23.5	22.9	2.8%
Tài sản dài hạn khác	18.6	9.76	90.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	133	143	-7.3%
Nợ ngắn hạn	125	140	-10.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	41.9	31.7	32.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.2	60.4	-13.5%
Nợ dài hạn	8.05	3.38	138%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.48	0.33	1580%
Nguồn vốn chủ sở hữu	217	215	1.0%
Vốn chủ sở hữu	217	215	1.0%
Vốn điều lệ	61.7	61.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

